PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thông tư số 11/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 18/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Chạm khắc đá; Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò; Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò; Lái tàu đường sắt; Thông tin tín hiệu đường sắt; Điều hành chạy tàu hỏa; Gò; Luyện gang; Luyện thép; Công nghệ cán, kéo kim loại; Công nghệ sơn tàu thủy

(Tiếp theo Công báo số 739 + 740)

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 27b

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
DẠY NGHỀ, NGHỀ KỸ THUẬT PHA CHẾ ĐỒ UỐNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Kỹ thuật pha chế đồ uống
Mã nghề: 50810205
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Năm 2016

PHẦN B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Bảng 32. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Tên nghề: Kỹ thuật pha chế đồ uống
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy chữa cháy
	Một bộ bao gồm:			
	Bình chữa cháy	*Chiếc*	*02*	
	Bình xịt bọt khí CO2	*Chiếc*	*01*	
	Bình chữa cháy bột	*Chiếc*	*01*	
	Các bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
	Hộp đựng thiết bị phòng cháy, chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
	Đèn Exit	*Chiếc*	*01*	
2	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về y tế
	Một bộ bao gồm:			
	Tủ đựng y tế	*Chiếc*	*01*	
	Các dụng cụ sơ cứu: Panh, kéo	*Bộ*	*01*	
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*	
	THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
3	Tủ làm mát	Chiếc	01	Dung tích ≥ 258 lít Công suất: 258 W
4	Tủ đông	Chiếc	01	Dung tích ≥ 220 lít Công suất ≥ 225 W
5	Tủ lạnh	Chiếc	01	Dung tích ≥ 120L
6	Tủ bảo quản rượu vang	Chiếc	01	Dung tích ≥ 34 chai
7	Tủ ướp lạnh ly	Chiếc	01	Công suất ≥ 110W

8	Tủ cất giữ dụng cụ phục vụ	Chiếc	02	Có kích cỡ ≥ Dài 1,5m x Rộng 0,60m x Cao 1,5m có phân tầng, ngăn
9	Máy bào đá	Chiếc	01	Công suất ≥ 300 W
10	Máy vắt cam	Chiếc	01	Công suất ≥ 25 W Dung tích: 0,4 lít
11	Máy xay sinh tố	Chiếc	01	Công suất ≥ 600W Dung tích ≥ 2 lít
12	Máy ép nước trái cây	Chiếc	02	Công suất ≥ 700 W Dung tích: 2 lít
13	Máy làm lạnh nước trái cây	Chiếc	02	Công suất ≥ 540W
14	Máy pha cà phê	Chiếc	01	Công suất ≥ 1100 W Bình chứa có dung tích: 1 lít Chất liệu nhựa và thép không gỉ
15	Máy xay cà phê	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Máy đánh kem và trứng	Chiếc	01	Công suất ≥ 175 W
17	Ấm siêu tốc	Chiếc	02	Công suất ≥ 2400 W Dung tích ≥ 1,8 lít
18	Lò vi sóng	Chiếc	01	Công suất ≥ 800 W
19	Quầy bar	Chiếc	01	Chất liệu chịu nước, có bàn pha chế Kích thước phù hợp với phòng thực hành
20	Ghế quầy bar	Chiếc	03	Kích thước phù hợp với quầybar
21	Tủ trưng bày	Chiếc	01	Chất liệu bằng gỗ Kích thước ≥ 3,4m x 2m x 0,6m (dài, cao, rộng)
22	Giá xếp ly	Chiếc	01	Chất liệu: inox, thép không gỉ Có nhiều ngăn móc

23	Bàn ghế phòng bar	Bộ	06	Loại thông dụng sử dụng tại các quán bar
24	Thớt các loại	Bộ	02	Loại chuyên dùng trong bar
25	Dụng cụ mở rượu, bia	Chiếc	03	Loại chuyên dùng trong quầy bar
26	Kéo	Chiếc	03	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
27	Bộ dao cắt tỉa	Bộ	03	Loại thông dụng dùng trong bar
28	Dao thái	Bộ	03	Loại thông dụng dùng trong bar tại thời điểm mua sắm
29	Hộp đựng dao	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
30	Khay đựng các loại quả	Bộ	06	Chất liệu: Inox
31	Gắp hoa quả	Chiếc	06	Chất liệu: Inox
32	Hộp tẩm muối vành ly	Bộ	03	Chất liệu: Nhựa cứng
33	Bình lắc tiêu chuẩn (standard sharker)	Bộ	06	Chất liệu inox Gồm 3 phần: thân bình (dung tích ≥ 300ml), đầu lọc, nắp đậy
34	Bình lắc Boston (Boston sharker)	Bộ	06	Loại có hai phần: 1 cốc hình nón inox 1 ly thuỷ tinh
35	Đong rượu (Zigger)	Chiếc	06	Dung tích: 15ml-30ml, 20ml-40ml
36	Lược đá (Strainer)	Chiếc	06	Chất liệu: Inox
37	Thìa cà phê lớn	Chiếc	02	Chất liệu: Inox
38	Thìa cà phê nhỏ	Chiếc	02	Chất liệu: Inox
39	Dụng cụ lọc	Chiếc	06	Chất liệu: Thép không gỉ
40	Phin cà phê cá nhân	Bộ	06	Chất liệu: Thép không gỉ

41	Dụng cụ mở nút rượu vang	Chiếc	06	Chất liệu Inox
42	Ly phục vụ	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ly Sinh tố (Poco)	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥200ml
	Ly nước ép (Collins)	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥250ml
	Ly Martini	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥110ml
	Ly Margarita	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥300ml
	Ly Rock	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥200ml
	Ly Brandy	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥200ml
	Ly Sâm Panh (Champagne)	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥180ml
	Ly vang đỏ (Red wine)	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥300ml
	Ly vang trắng (white wine)	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥150ml
	Ly Shot	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥45ml
	Ly Highball	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥200ml
	Ly Pilsner	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥200ml
	Ly Beer	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥300ml
43	Tách phục vụ	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Tách trà	*Chiếc*	*06*	*Có quai cầm* *Dung tích: 330 ml*
	Tách café	*Chiếc*	*06*	*Chất liệu sứ*

	Tách Cacao	*Chiếc*	*06*	*Chất liệu sứ*
44	Ly Bia thủy tinh	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ly Pilsner	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 200ml
	Ly Flute	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 330ml
	Ly bia	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 355ml
	Ly bia	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 380ml
	Ly bia	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 350ml
	Ly bia	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 450ml
	Ly bia	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 500ml
45	Ly rượu vang	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ly vang	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 215ml
	Ly vang	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 250ml
	Ly vang	*Chiếc*	*06*	Chất liệu thủy tinh Dung tích ≥ 350ml
46	Lót ly	Chiếc	30	Chất liệu gỗ, nhựa
47	Bình sauce nhỏ	Bộ	03	Chất liệu: Nhựa trắng Dung tích: 240ml
48	Bình lắng cặn rượu vang (Decanter)	Chiếc	01	Chiều cao ≥ 65 cm
49	Nút rượu vang	Chiếc	10	Loại chuyên dùng trong quán bar tại thời điểm mua sắm
50	Đầu rót rượu	Bộ	03	Chất liệu nhựa, inox bọc cao su
51	Khay đựng dụng cụ	Chiếc	02	Chất liệu nhựa
52	Chậu rửa	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị

				trường tại thời điểm mua sắm Kích thước thông dụng theo diện tích quầy bar
53	Thùng rác	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm Chia làm 2 ngăn, có bánh xe, có nắp đậy kín
54	Cân	Chiếc	01	Mức cân ≥ 3kg
55	Cọ rửa ly, cốc	Bộ	03	Chất liệu thông dụng trong các quán bar
56	Rổ	Bộ	03	Kích thước ≥ 16cm; 20cm; 24cm
57	Hộp để cafe, chè và các loại trà	Bộ	02	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
58	Bộ đựng dụng cụ	Chiếc	02	Chất liệu nhựa cứng
59	Bình xịt kem tươi	Chiếc	02	Chất liệu nhựa
60	Bình tạo soda	Chiếc	02	Chất liệu inox, nhựa
61	Đèn khò	Chiếc	03	Loại thông dụng trong nhà hàng, khách sạn
62	Hũ rắc cacao	Chiếc	02	Chất liệu inox
63	Gắp trang trí (Decor)	Chiếc	03	Chất liệu inox
64	Dụng cụ trang trí	Bộ	02	Loại thông dụng trong nhà hàng, khách sạn
65	Xoong	Chiếc	02	Loại thông dụng trong nhà hàng, khách sạn
66	Bếp cồn	Chiếc	02	Chất liệu: Inox hoặc thép không gỉ
67	Giá để dụng cụ sành, sứ	Chiếc	01	Kích thước phù hợp phòng thực hành
68	Dụng cụ tạo bọt sữa	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
69	Ca đánh sữa	Chiếc	06	Chất liệu inox

70	Vẽ hình capuchino	Bộ	02	Chất liệu nhựa, inox
71	Bút vẽ capuchino	Chiếc	03	Chất liệu inox
72	Dụng cụ phục vụ trà	Bộ	19	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
73	Dụng cụ phục vụ café	Bộ	19	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
74	Chai tập biểu diễn	Chiếc	19	Chất liệu nhựa cứng
75	Chuông phục vụ	Chiếc	01	Chất liệu inox không rỉ, đế nhựa đen
76	Dụng cụ ép trái cây	Chiếc	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
77	Âu đựng đá	Chiếc	02	Chất liệu Inox Loại thông dụng dùng trong khách sạn, nhà hàng
78	Xô ngâm rượu	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
79	Thùng đựng đá	Chiếc	02	Chất liệu, kích thước thông dụng được sử dụng tại các quầy bar
80	Xúc đá	Chiếc	03	Chất liệu Inox
81	Gắp đá	Chiếc	06	Loại thông dụng dùng trong các quán bar
82	Dụng cụ mở đồ hộp	Chiếc	03	Loại chuyên dùng trong nhà hàng, khách sạn
83	Thìa khuấy to (Barspoons)	Chiếc	06	Chất liệu Inox
84	Thìa khuấy nhỏ (Barspoons)	Chiếc	06	Chất liệu Inox
85	Chày bar	Chiếc	02	Chất liệu: Nhựa cứng
86	Chặn rượu đa năng	Bộ	06	Loại gồm 3 nút, chất liệu inox, một đầu nhọn, có kèm đế thép không gỉ với 3 lỗ nhỏ
87	Vòi rót rượu	Chiếc	06	Chất liệu: Inox bọc cao su đen hoặc nhựa

88	Dụng cụ ép chanh	Chiếc	06	Chất liệu: Inox đặc không gỉ
89	Bàn vuông	Chiếc	06	Kích thước ≥ Dài 80cm x Rộng 80cm x Cao 75cm
90	Bàn tròn	Chiếc	02	Đường kính ≥120cm Cao ≥75cm
91	Bàn chữ nhật	Chiếc	02	Kích thước ≥ 140cm x 80cm x 75cm
92	Ghế tựa	Chiếc	16	Kích thước phù hợp với bàn, đạt tiêu chuẩn tại nhà hàng, khách sạn
93	Ghế cho trẻ em	Chiếc	02	Có kích thước phù hợp tại thời điểm mua sắm
94	Chén đựng gia vị	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng
95	Bát (chén) ăn cơm	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng. Miệng Ø11 cm
96	Bát (chén) ăn xúp Á	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng. Miệng Ø7 cm
97	Bát (chén) ăn xúp Âu có nắp	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng. Miệng Ø10 cm ÷ Ø12 cm
98	Đĩa bánh mỳ	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng, Ø 15cm
99	Đĩa ăn món chính	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng, Ø 28 cm
100	Đĩa sa lat	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng, Ø 25 cm
101	Đĩa tráng miệng	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng, Ø 20 cm
102	Thìa sứ	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng
103	Thố sữa	Chiếc	04	Chất liệu sứ trắng
104	Thố đường	Chiếc	04	Chất liệu sứ trắng
105	Lọ muối	Chiếc	04	Chất liệu sứ trắng

106	Lọ tiêu	Chiếc	04	Chất liệu sứ trắng
107	Lọ tăm	Chiếc	04	Chất liệu sứ trắng
108	Gối kê đũa	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng
109	Gối kê thìa	Chiếc	16	Chất liệu sứ trắng
110	Dao, dĩa ăn chính	Bộ	12	Chất liệu inox. Dài: 20cm÷30cm
111	Dao, dĩa ăn phụ	Bộ	12	Chất liệu inox. Dài: 20cm÷25cm
112	Dao ăn bơ	Chiếc	12	Chất liệu inox. Dài: 20cm÷25cm
113	Dao, dĩa ăn tráng miệng	Bộ	12	Chất liệu inox. Dài: 10cm÷20cm
114	Thìa ăn chính	Chiếc	12	Chất liệu inox. Dài: 20cm÷25cm
115	Thìa ăn súp	Chiếc	12	Chất liệu inox. Dài: 20cm÷25cm
116	Thìa ăn tráng miệng	Chiếc	12	Chất liệu inox. Dài: 10cm÷15cm
117	Thìa trà/cà phê	Chiếc	12	Chất liệu inox. Dài: 10cm÷15cm
118	Thìa, dĩa phục vụ	Bộ	12	Chất liệu inox. Dài: 20cm÷30cm
119	Giá cất trữ dụng cụ	Chiếc	02	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
120	Bộ khay phục vụ	Bộ	06	Mỗi bộ gồm 3 chiếc: Khay tròn ≥35cm, khay chữ nhật ≥35cmx45cm, khay vuông ≥35cm
121	Khăn lót khay hình chữ nhật	Chiếc	06	Vải cốt tông màu trắng, phù hợp với khay
	Khăn lót khay hình tròn	Chiếc	06	
	Khăn ăn	Chiếc	30	Vải cốt tông màu trắng, Kích thước ≥ 50cm x50cm
	Khăn phục vụ	Chiếc	06	Vải cốt tông màu trắng, Kích thước ≥ 30cm x70cm

	Khăn trải bàn	Bộ	06	Khăn tròn khăn vuông khăn chữ nhật (có kích cỡ phù hợp với bàn ăn)
	Khăn nỉ bọc mặt bàn	Chiếc	06	Kích cỡ phù hợp với kích cỡ bàn ăn
	Khăn trang trí	Chiếc	06	
	Rèm buffet	Chiếc	06	Kích cỡ phù hợp với kích cỡ bàn
	Bọc ghế có nơ	Chiếc	06	Kích thước phù hợp với ghế
	Găng tay	Đôi	06	Vải thun trắng
	Khăn lau ly, cốc	Chiếc	06	Vải cốt tông màu trắng, Kích thước ≥ 40cm x80cm
122	Xe đẩy phục vụ	Chiếc	02	Kích thước thông dụng có 2÷3 ngăn
123	Thảm lót ly, cốc	Chiếc	10	Kích thước ≥ 30cmx30cm
124	Thảm lót sàn cao su	Chiếc	06	Kích thước ≥ 1 m x 1 m
125	Dụng cụ lau sàn	Bộ	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
126	Máy hút bụi	Chiếc	01	Công suất ≥ 1000W
127	Máy ozone	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
128	Màng bọc thực phẩm	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
129	Găng tay	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
130	Khay dung dịch sát khuẩn	Chiếc	02	Chất liệu: Inox
131	Kệ	Chiếc	02	Chất liệu: Inox
132	Tủ làm nóng đĩa	Chiếc	01	Công suất ≥ 1000W
133	Lò hâm món ăn	Bộ	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm Sử dụng ≥ cho 5 loại món

				ăn
134	Bếp từ	Chiếc	02	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
135	Nồi bếp từ	Chiếc	02	Đường kính: 30cm÷40cm
136	Lọ hoa	Chiếc	06	Kích thước phù hợp bàn
137	Băng rôn (Banner)	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
138	Áp phích (Poster)	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
139	Giá treo áp phích	Chiếc	03	Kích thước: 0,6m x 1,6m
140	Giá Standee	Chiếc	03	Kích thước: 0,8 m x 2m
141	Giá để menu	Chiếc	06	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
142	Giá bảo quản	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
143	Chân nến	Bộ	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
144	Bảng tương tác	Chiếc	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
145	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Thông số kỹ thuật phù hợp tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Âm ly	*Bộ*	*01*	*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*	*Công suất loa: ≥ 20W*
146	Bảng di động	Chiếc	01	Kích thước ≥ 1250 mm x 2400 mm
147	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

148	Đường truyền internet	Gói	01	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
149	Phần mềm quản lý nhà hàng	Bộ	01	Phiên bản thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
150	Phòng lab học ngoại ngữ	Bộ	01	Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ
151	Máy fax	Chiếc	01	Tốc độ truyền dữ liệu ≥ 8 giây/trang
152	Máy in	Chiếc	01	Loại in khổ giấy ≥ A5
153	Máy photocopy	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
154	Máy scan	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
155	Máy quay video	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
156	Máy ghi âm	Chiếc	01	Dung lượng ≥ 4GB Thời gian ghi âm: (15÷20) giờ liên tục
157	Máy điện thoại	Chiếc	01	Loại có thông số kỹ thuật phù hợp tại thời điểm mua sắm
158	Tổng đài nội bộ	Bộ	01	Tối thiểu 06 máy trạm, khả năng mở rộng ≤08
159	Thẻ đeo	Chiếc	06	Loại có dây đeo Chất liệu bằng giấy hoặc bằng nhựa mika
160	Gương soi	Chiếc	02	Kích cỡ ≥ 80cm x 160cm
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
161	Máy vi tính	Bộ	01	Loại có cấu hình phổ thông trên thị trường tại thời điểm mua sắm
162	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Cường độ sáng ≥ 2500 ANSI Lumens Kích thước phông chiếu ≥ 1800mmx1800mm

PHẦN C
DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG
THEO MÔN HỌC, MÔ ĐUN TỰ CHỌN

Bảng 33. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG
MÔN HỌC (TỰ CHỌN): NGHIỆP VỤ THANH TOÁN

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Kỹ thuật pha chế đồ uống
Mã số môn học: MH 33
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên.

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Mẫu các loại Séc du lịch	Bộ	01	Loại Séc du lịch tương ứng với phiên bản sử dụng trong thực tế
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Amex	*Chiếc*	*02*	
	Citicop	*Chiếc*	*02*	
	Visa	*Chiếc*	*02*	
	Mẫu các loại thẻ nhựa:			
	Amex	*Chiếc*	*02*	
	JCB	*Chiếc*	*02*	
	Visa, master	*Chiếc*	*04*	
2	Máy thanh toán thẻ tín dụng (POS)	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	
4	Mẫu chứng từ thanh toán	Bộ	01	Loại thông dụng tại các quán bar
5	Mẫu voucher du lịch	Bộ	01	Loại thông dụng tại các quán bar
6	Máy tính cá nhân	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Dập ghim	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Đục lỗ	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	File kẹp tài liệu	Chiếc	06	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Kẹp order	Chiếc	06	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 34. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN
(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Kỹ thuật pha chế đồ uống
Mã số mô đun: MĐ 34
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên.

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn trung gian	Chiếc	02	Kích thước ≥ 200cm x80cm x 90cm, có giá ở dưới
2	Bàn sơ chế	Chiếc	04	Kích thước ≥ D200cm x C80cm x R90cm
3	Máy xay thực phẩm	Chiếc	01	Công suất ≥ 500w
4	Bếp đơn	Chiếc	01	Đảm bảo chắc, bền khi đun nấu
5	Bếp đôi	Chiếc	01	Đảm bảo chắc, bền khi đun nấu
6	Lò nướng đa Năng	Chiếc	01	Công suất ≥ 750w, điều chỉnh được nhiệt độ
7	Giá để dụng cụ	Chiếc	04	Loại 3 tầng, kích thước ≥ D120cm x R 65cm x C155cm
8	Xe đẩy	Chiếc	01	Kích thước ≥ D100cm x R 60cm x C 90cm. Có 2÷3 tầng.
9	Vỉ nướng	Chiếc	06	Kích thước ≥ 30cm x 30cm
10	Khay nướng chống dính	Chiếc	02	Kích thước ≥ D60cm x R40cm x C2,5cm
11	Khay	Bộ	01	Chất liệu bằng Inox
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khay lớn	*Chiếc*	*02*	*Kích Thước: rộng 40cm x dài 60cm*
	Khay vừa	*Chiếc*	*02*	*Kích thước: rộng 30cm x dài 40cm*
	Khay nhỏ	*Chiếc*	*02*	*Kích thước: rộng 20cm x dài 30cm*

12	Xoong nồi	Bộ	01	Dung tích từ 1 lít ÷ 5 lít
13	Chảo chống dính đáy bằng	Chiếc	03	Đường kính ≥ 18cm
14	Chảo sâu lòng	Chiếc	03	Đường kính ≥ 35cm
15	Dụng cụ chế biến	Bộ	01	Loại thông dụng được sử dụng tại các bếp của nhà hàng
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Môi múc xúp, canh	*Chiếc*	*06*	
	Môi gỗ	*Chiếc*	*06*	
	Kẹp gắp	*Chiếc*	*06*	
	Xẻng lật	*Chiếc*	*06*	
	Vợt chiên có lỗ	*Chiếc*	*06*	
	Vợt chần phở	*Chiếc*	*06*	
	Rây lọc	*Chiếc*	*06*	
	Thìa	*Chiếc*	*06*	
	Đũa	*Đôi*	*06*	
	Vớt bọt	*Chiếc*	*06*	
	Chày, cối	*Bộ*	*06*	
	Búa đập thịt	*Chiếc*	*06*	
	Dụng cụ mài dao	*Bộ*	*01*	
	Kéo	*Bộ*	*06*	
16	Dao bếp	Bộ	01	Loại dùng cho nhà bếp của nhà hàng
17	Đồ trình bày và cảm quan sản phẩm	Bộ	01	Đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm
18	Thớt 6 màu dùng cho các loại thực phẩm	Bộ	01	Kích thước phù hợp với yêu cầu chuyên môn
19	Thớt chặt	Chiếc	03	Bằng gỗ, đường kính ≥ 40 cm, cao 15cm, đặt trên giá cao 70cm
20	Hộp đựng gia vị	Bộ	01	Có nắp đậy đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

21	Bàn một chậu rửa	Chiếc	01	Kích thước ≥ Dài 120cm x Rộng 70 x Cao 70cm, kèm theo vòi van 2 chiều nóng lạnh
22	Dụng cụ đo lường	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cân	*Chiếc*	*01*	*Loại 5kg*
	Nhiệt kế	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng có trên thị trường*
	Ca đong	*Chiếc*	*01*	*Có vạch phân chỉ dung tích đến 2,5 lít*
23	Dụng cụ vệ sinh	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cây gạt nước	*Chiếc*	*01*	*Cán dài ≥ 120cm, lưỡi gạt ≥ 40cm*
	Bàn chà khô nền	*Chiếc*	*01*	*Cán dài ≥ 120cm,*
	Chổi quét khu vực bếp	*Chiếc*	*01*	*Cán dài ≥ 120cm*
	Thùng rác lớn	*Chiếc*	*01*	*Dung tích ≥ 70 lít, có nắp đậy*
	Hót rác	*Chiếc*	*01*	*Cán dài ≥ 120 cm*
24	Tủ lưu mẫu thực phẩm	Chiếc	01	Dung tích ≥ 20L
25	Giá để thực phẩm khô	Chiếc	02	Kích thước phù hợp mặt bằng bếp
26	Bếp nướng than hoa	Chiếc	03	Kích thước ≥ Dài 80cm x Rộng 50x Cao 75cm
27	Đồng hồ treo tường	Chiếc	01	Đường kính ≥ 30 cm
28	Nồi nấu nước dùng	Chiếc	01	Dung tích ≥ 10L
29	Nồi hấp 2 tầng	Chiếc	01	Đường kính ≥ 30cm
30	Nồi cơm	Chiếc	01	Dung tích ≥3 lít

Bảng 35. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): KỸ THUẬT CẮM HOA BÀN ĂN
(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Kỹ thuật pha chế đồ uống
Mã số mô đun: MĐ 36
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên.

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ cắm hoa	Bộ	19	Loại thông dụng dùng để cắm hoa
2	Dụng cụ cắt, tỉa	Bộ	19	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Kéo	*Chiếc*	*01*	
	Kìm	*Chiếc*	*01*	
	Dao	*Chiếc*	*01*	
3	Bình phun nước	Bình	06	Dung tích ≥ 1500ml

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ, NGHỀ KỸ THUẬT PHA CHẾ ĐỒ UỐNG
Trình độ: Cao đẳng nghề

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-LĐTBXH ngày 06 tháng 10 năm 2015, của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Nguyễn Ngọc Tám	Thạc sỹ quản lý giáo dục	Chủ tịch HĐTĐ
2	Ông Đỗ Thiện Dụng	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Du lịch-Khách sạn	P.Chủ tịch HĐTĐ
3	Ông Đồng Xuân Đảm	Tiến sỹ Quản trị kinh doanh du lịch - khách sạn	Ủy viên thư ký
4	Bà Hoàng Thị Kim Phúc	Thạc sỹ Quản lý Kinh tế - Kỹ thuật	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Ủy viên
6	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Ủy viên
7	Bà Bùi Thị Thu Huyền	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Ủy viên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 28a

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ, NGHỀ NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng

Mã nghề: 40810108

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Năm 2016

MỤC LỤC

Phần thuyết minh

Phần A: Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn)

Bảng 1: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Luật kinh tế (MH 07)

Bảng 2: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Kinh tế học (MH 08)

Bảng 3: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Lý thuyết tài chính (MH 09)

Bảng 4: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Lý thuyết thống kê (MH 10)

Bảng 5: Danh mục thiết bị tối thiểu môn đun (bắt buộc): Soạn thảo văn bản (MH 11)

Bảng 6: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Anh văn 1 (MH 12)

Bảng 7: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Khởi sự kinh doanh bán hàng (MH 13)

Bảng 8: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Hành vi người tiêu dùng (MH 14)

Bảng 9: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): An ninh, An toàn trong bán hàng (MH 15)

Bảng 10: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Anh văn 2 (MĐ 16)

Bảng 11: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Marketing cơ bản (MH 17)

Bảng 12: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Quản trị nguồn cung ứng hàng hóa (MĐ 18)

Bảng 13: Danh mục thiết bị tối thiểu môn đun (bắt buộc): Quản trị hàng hóa (MĐ 19)

Bảng 14: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Trưng bày hàng hóa (MĐ 20)

Bảng 15: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Quản trị tài chính (MĐ 21)

Bảng 16: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ bán lẻ (MĐ 22)

Bảng 17: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ bán hàng đại lý (MĐ 23)

Bảng 18: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến (MĐ 24)
Bảng 19: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ bán hàng siêu thị (MĐ 25)
Bảng 20: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Quản trị chất lượng dịch vụ bán hàng (MĐ 26)
Bảng 21: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thực tập nghề nghiệp (MĐ 27)
Phần B: Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc
Bảng 22: Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc
Danh sách hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề Nghiệp vụ bán hàng

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề trình độ Trung cấp nghề Nghiệp vụ bán hàng là danh mục bao gồm các loại thiết bị dạy nghề (dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh...) tối thiểu và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị dạy nghề mà cơ sở dạy nghề phải có để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 học sinh và lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh. Danh mục này được xây dựng trên cơ sở chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Nghiệp vụ bán hàng ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

I. Nội dung danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Nghiệp vụ bán hàng

1. Phần A: Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn).

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 21, danh mục thiết bị tối thiểu cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị tối thiểu, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

- Yêu cầu sư phạm cơ bản của thiết bị, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính của thiết bị, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

2. Phần B: Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 22 - Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc. Trong bảng này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả thiết bị có trong danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc;

- Số lượng thiết bị của từng chủng loại là số lượng tối thiểu đáp ứng yêu cầu của các môn học, mô đun bắt buộc;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của mỗi chủng loại thiết bị đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của chủng loại đó trong các môn học, mô đun bắt buộc.

II. Áp dụng danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Nghiệp vụ bán hàng

Các cơ sở dạy nghề, đào tạo nghề Nghiệp vụ bán hàng, trình độ Trung cấp nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

1. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc (bảng 22).

2. Quy mô, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường (có tính đến thiết bị sử dụng chung giữa các nghề khác nhau trong trường).

PHẦN A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN (BẮT BUỘC, TỰ CHỌN)

Bảng 1. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): LUẬT KINH TẾ

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 07
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 2. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): KINH TẾ HỌC

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 3. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 09
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 4. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): LÝ THUYẾT THỐNG KÊ

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 5. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): SOẠN THẢO VĂN BẢN

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in bài thực hành của sinh viên	In khổ giấy: ≥ A4 Tốc độ in: ≥ 12 trang/phút
2	Đường mạng LAN	Hệ thống	01	Dùng để kết nối giữa máy chủ và máy vi tính của sinh viên	Đảm bảo đường mạng thông giữa máy chủ và 18 máy vi tính
3	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để lưu trữ bài thực hành và kết nối giữa các máy vi tính thực hành	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý
4	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
6	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng để thực hành kỹ năng soạn thảo văn bản	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng và các văn bản mẫu	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 6. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): ANH VĂN 1

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 12
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phòng Lab chuyên dụng	Phòng	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng nghe, nói, trao đổi thông tin và đánh giá trình độ của sinh viên	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bộ điều khiển trung tâm	*Bộ*	*01*		
	Máy vi tính trung tâm	*Bộ*	*01*		
	Bộ điều khiển sinh viên	*Bộ*	*01*		
	Tai nghe	*Bộ*	*01*		
	Cassette chuyên dụng	*Bộ*	*01*		
	Cab kết nối	*Bộ*	*01*		
	Phần mềm Lab	*Bộ*	*01*		
	Phần mềm dạy học ngoại ngữ	*Bộ*	*01*		
2	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng kết nối với máy vi tính trung tâm để sinh viên thực hành	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu nội dung bài giảng của giáo viên	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 7. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): KHỞI SỰ KINH DOANH BÁN HÀNG

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 13
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy, thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 8. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 14
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy ghi âm	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ghi lại thông tin, trạng thái tâm lý, các hành động của khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm Dung lượng: ≥ 2GB
2	Máy quay phim	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng tự đánh giá qua việc quay phim lại những hành động trong quá trình giao tiếp	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
3	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
4	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy, hướng thực hành kỹ năng thuyết trình của sinh viên	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*07*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 9. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): AN NINH, AN TOÀN TRONG BÁN HÀNG

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 15
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu và sử dụng tập huấn phòng cháy chữa cháy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình chữa cháy	*Chiếc*	*01*		
	Bình xịt bọt khí CO2	*Chiếc*	*01*		
	Bình xe đẩy MFZT35	*Chiếc*	*01*		
	Bình chữa cháy bột	*Chiếc*	*01*		
	Các bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Chiếc*	*01*		
	Hộp đựng thiết bị phòng cháy, chữa cháy	*Chiếc*	*01*		
	Đèn Exit	*Chiếc*	*01*		
2	Dụng cụ bảo hộ lao động	Bộ	06	Dùng để giới thiệu cách sử dụng các thiết bị an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*06*		
	Mặt nạ lọc độc	*Chiếc*	*06*		
	Găng tay cao su và ni lông	*Đôi*	*06*		
	Khẩu trang	*Chiếc*	*06*		
	Kính bảo hộ	*Chiếc*	*06*		
3	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách sơ cứu nạn nhân	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tủ đựng y tế	*Chiếc*	*01*		
	Các dụng cụ sơ cứu: Panh, kéo	*Bộ*	*01*		
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*		

4	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy, hướng thực hành kỹ năng thuyết	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥1800mmx1800mm

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): ANH VĂN 2

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ16
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phòng Lab chuyên dụng	Phòng	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng nghe, nói, trao đổi thông tin và đánh giá trình độ của sinh viên	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bộ điều khiển trung tâm	*Bộ*	*01*		
	Máy vi tính trung tâm	*Bộ*	*01*		
	Bộ điều khiển sinh viên	*Bộ*	*01*		
	Tai nghe	*Bộ*	*01*		
	Cassette chuyên dụng	*Bộ*	*01*		
	Cab kết nối	*Bộ*	*01*		
	Phần mềm Lab	*Bộ*	*01*		
	Phần mềm dạy học ngoại ngữ	*Bộ*	*01*		
2	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng kết nối với máy vi tính trung tâm để thực hành	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu nội dung bài giảng	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): MARKETING CƠ BẢN

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số môn học: MH 17
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): QUẢN TRỊ NGUỒN CUNG HÀNG HÓA

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy ghi âm	Chiếc	01	Dùng để ghi lại thông tin hỗ trợ việc tổng hợp, thu thập thông tin hàng hóa đầu vào	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm, Dung lượng: ≥ 2GB
4	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán, hàng tồn và xuất kho	Phiên bản phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Đường truyền internet	Gói	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn sinh viên thu thập và cập nhật thông tin về hàng hóa trên thị trường	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
6	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện ứng dụng trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
7	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý

8	Đường mạng LAN	Hệ thống	01	Hỗ trợ giảng dạy các bài thực hành	Đảm bảo đường mạng thông giữa 19 máy vi tính
9	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và kỹ năng thuyết trình của sinh viên	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
10	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng kết nối với máy chủ để thực hành	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
11	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu nội dung bài giảng	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): QUẢN TRỊ HÀNG HÓA

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ 19
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Mô hình gian hàng điện máy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu thực hành quản lý gian hàng điện máy	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
2	Mô hình gian hàng đồ gia dụng	Bộ	01	Dùng để giới thiệu thực hành quản lý gian hàng gia dụng	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
3	Mô hình gian hàng may mặc	Bộ	01	Dùng để giới thiệu thực hành quản lý gian hàng may mặc	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
4	Mô hình gian hàng đông lạnh	Bộ	01	Dùng để giới thiệu thực hành quản lý gian hàng đông lạnh	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
5	Mô hình gian hàng văn phòng phẩm	Bộ	01	Dùng để giới thiệu thực hành quản lý gian hàng văn phòng phẩm	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
6	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
7	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành kỹ năng quản trị danh mục sản phẩm	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm

9	Đường truyền internet	Gói	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thu thập và cập nhật thông tin về hàng hóa trên thị trường	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
10	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện ứng dụng trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
11	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý
12	Đường mạng LAN	Hệ thống	01	Hỗ trợ giảng dạy các bài thực hành	Đảm bảo đường mạng thông giữa 19 máy vi tính
13	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
14	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm và cài đặt được phần mềm
15	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu nội dung bài giảng	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): TRƯNG BÀY HÀNG HÓA

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ20
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành kỹ năng quản trị danh mục sản phẩm	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm
2	Máy in mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng in mã vạch trên danh mục sản phẩm quản lý	Khổ giấy: ≥ 4,09 inch (103,9mm) Độ phân giải: ≥ 203 dpi
3	Máy đọc mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đọc mã vạch trên danh mục sản phẩm quản lý	Tốc độ quét: ≥200 scan/s
4	Kệ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí, phân loại hàng hóa bảo quản	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
5	Giá trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí, phân loại hàng hóa	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
6	Tủ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí, phân loại hàng hóa	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
7	Móc treo hàng	Chiếc	03	Dùng để thực hành treo hàng hóa lên kệ, tủ, giá trưng bày	Kích thước phù hợp với giá, tủ, kệ trưng bày hàng hóa

8	Thiết bị dán nhãn, dán giá trên sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn cách dán giá, nhãn trên hàng hóa	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
9	Thiết bị dán nhãn, dán giá trên kệ	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
10	Mô hình gian hàng điện máy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng điện máy	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
11	Mô hình gian hàng đồ gia dụng	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng gia dụng	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
12	Mô hình gian hàng may mặc	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng may mặc	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
13	Mô hình gian hàng đông lạnh	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng đông lạnh	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
14	Mô hình gian hàng văn phòng phẩm	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng văn phòng phẩm	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
15	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
16	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình của sinh viên	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W

18	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm và cài đặt được phần mềm
19	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ 21
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Phần mềm kế toán	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng thực hành nghiệp vụ kế toán tài chính	Phiên bản dành cho sinh viên
4	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện ứng dụng trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
5	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý
6	Đường mạng LAN	Hệ thống	01	Hỗ trợ giảng dạy các bài thực hành	Đảm bảo đường mạng thông giữa 19 máy vi tính
7	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*

8	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng để thực hành trên máy vi tính	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ BÁN LẺ

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành kỹ năng tra cứu, thanh toán tiền hàng	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm
2	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
3	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Kệ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí, phân loại hàng hóa bảo quản	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
5	Giá trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí, phân loại hàng hóa	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
6	Tủ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí, phân loại hàng hóa	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
7	Thiết bị dán nhãn, dán giá trên sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn sinh viên dán giá, nhãn trên hàng hóa	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
8	Thiết bị dán nhãn, dán giá trên kệ	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm

9	Máy in mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng in mã vạch trên sản phẩm	Khổ giấy: ≥ 4,09 inch (103,9mm) Độ phân giải: ≥ 203 dpi
10	Máy đọc mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đọc mã vạch trên danh mục sản phẩm quản lý	Tốc độ quét: ≥200 scan/s
11	Mô hình gian hàng điện máy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng điện máy	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
12	Mô hình gian hàng đồ gia dụng	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng gia dụng	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
13	Mô hình gian hàng may mặc	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng may mặc	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
14	Mô hình gian hàng đông lạnh	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng đông lạnh	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
15	Mô hình gian hàng văn phòng phẩm	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng văn phòng phẩm	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
16	Bàn thu ngân chuyên dụng	Bộ	01	Dùng để hướng dân sinh viên thực hành thu tiền hàng	Kích thước phù hợp với không gian phòng thực hành
17	Máy đếm tiền	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn sinh viên thực hành bán hàng, thu tiền	Tốc độ đếm: ≥1000 tờ/phút Còi báo động khi phát hiện tiền giả
18	Máy kiểm tra tiền giả	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra tiền hàng bán	Điện áp: 220 V/AC - 50 Hz ; Bóng cực tím chữ H: 11w x 2

19	Máy gỡ tem cứng	Chiếc	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
20	Máy khử tem mềm	Chiếc	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Máy quẹt thẻ POS	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu, thực hành nghiệp vụ bán hàng trong siêu thị	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in hóa đơn bán hàng và hợp đồng mua bán hàng hóa	In khổ giấy: ≥ A5 Tốc độ in: ≥ 12 trang/phút
23	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm và cài đặt được phần mềm
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG ĐẠI LÝ

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành kỹ năng quản trị hệ thống kênh phân phối đại lý	Phần mềm phổ biến tại thời điểm mua sắm
2	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm của sinh viên	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
3	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm của sinh viên	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Đường truyền internet	Gói	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn sinh viên thu thập và cập nhật thông tin về hoạt động bán của đối thủ cạnh tranh trên thị trường	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
5	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện ứng dụng trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
6	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý
7	Đường mạng LAN	Hệ thống	01	Hỗ trợ giảng dạy các bài thực hành	Đảm bảo đường mạng thông giữa 19 máy vi tính

8	Bàn thu ngân chuyên dụng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thu tiền hàng	Kích thước phù hợp với không gian phòng thực hành.
9	Máy đếm tiền	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành bán hàng, thu tiền	Tốc độ đếm: ≥1000 tờ/phút Còi báo động khi phát hiện tiền giả
10	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in hóa đơn bán hàng và hợp đồng mua bán hàng hóa	In khổ giấy: ≥ A5 Tốc độ in: ≥ 12 trang/phút
11	Máy kiểm tra tiền giả	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra tiền hàng bán	Điện áp: 220 V/AC - 50 Hz ; Bóng cực tím chữ H: 11w x 2
12	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình của sinh viên	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
13	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm và cài đặt được phần mềm
14	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Tổng đài nội bộ	Hệ thống	01	Dùng để thực hành kỹ năng giao tiếp bán hàng qua điện thoại	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Trang web ảo	Gói	01	Dùng để hướng dẫn thực hành bán hàng trực tuyến	Phiên bản dành cho sinh viên
5	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng quản lý thông tin khách hàng	Phần mềm phổ biến tại thời điểm mua sắm
6	Đường truyền internet	Gói	01	Dùng để giảng dạy và hướng dẫn thu thập và cập nhật thông tin về khách hàng	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
7	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện ứng dụng trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
8	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý

9	Hệ thống đường mạng LAN	Hệ thống	01	Hỗ trợ giảng dạy các bài thực hành	Đảm bảo đường mạng thông giữa 19 máy vi tính
10	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình của sinh viên	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
11	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm và cài đặt được phần mềm
12	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG SIÊU THỊ

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ 25
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Trang web ảo	Gói	01	Dùng để hướng dẫn thực hành quản lý bán hàng trong siêu thị	Phiên bản dành cho sinh viên
4	Đường truyền internet	Gói	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
5	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để thực hành quản lý các nghiệp vụ hàng bán trong siêu thị	Phổ biến tại thời điểm mua sắm
6	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện ứng dụng trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
7	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý
8	Hệ thống đường mạng LAN	Hệ thống	01	Hỗ trợ giảng dạy các bài thực hành	Đảm bảo đường mạng thông giữa 19 máy vi tính
9	Máy in mã vạch	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng in mã vạch	Khổ giấy: ≥ 4,09 inch (103,9mm) Độ phân giải: ≥ 203 dpi

10	Máy đọc mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đọc mã vạch	Tốc độ quét: ≥200 scan/s
11	Bàn thu ngân chuyên dụng	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành bán hàng trong siêu thị	Kích thước phù hợp với không gian phòng thực hành
12	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Tốc độ đếm: ≥1000 tờ/phút Còi báo động khi phát hiện tiền giả
13	Máy kiểm tra tiền giả	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu, thực hành bán hàng trong siêu thị	Điện áp: 220 V/AC - 50 Hz; Bóng cực tím chữ H: 11w x 2
14	Máy quẹt thẻ POS	Chiếc	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
15	Máy gỡ tem cứng	Chiếc	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Máy khử tem mềm	Chiếc	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Hệ thống Camera giám sát	Bộ	01	Dùng để thực hành giám sát các hoạt động bán hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Camera giám sát	*Chiếc*	*01*		
	Màn hình Camera giám sát	*Chiếc*	*01*		
	Đầu ghi hình camera	*Chiếc*	*01*		
18	Tổng đài nội bộ	Hệ thống	01	Dùng để thực hành kỹ năng giao tiếp trong bán hàng qua điện thoại	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
19	Mô hình gian hàng điện máy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành

				hàng điện máy	
20	Mô hình gian hàng đồ gia dụng	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng gia dụng	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
21	Mô hình gian hàng may mặc	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng may mặc	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
22	Mô hình gian hàng đông lạnh	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng đông lạnh	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
23	Mô hình gian hàng văn phòng phẩm	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng văn phòng phẩm	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
24	Tủ để đồ cho khách	Chiếc	01	Dùng để thực hành nghiệp vụ bán hàng trong siêu thị	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
25	Giỏ hàng xách tay	Chiếc	03		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
26	Giỏ hàng kéo tay	Chiếc	03		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
27	Xe đẩy hàng	Chiếc	03		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
28	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
29	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn sinh viên thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm và cài đặt được phần mềm

30	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ BÁN HÀNG

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành kỹ năng quản lý danh mục hàng hóa	Phần mềm phổ biến tại thời điểm mua sắm
4	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện ứng dụng trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
5	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý
6	Hệ thống đường mạng LAN	Hệ thống	01	Hỗ trợ giảng dạy các bài thực hành	Đảm bảo đường mạng thông giữa 19 máy vi tính
7	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W

8	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng để sinh viên thực hành các nghiệp vụ trong các khâu quản lý chất lượng dịch vụ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm và cài đặt được phần mềm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 21. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Mã số mô đun: MĐ 27
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Trang web ảo	Gói	01	Dùng để hướng dẫn thực hành các nghiệp vụ bán hàng thông qua phương tiện điện tử	Phiên bản dành cho học sinh
4	Đường truyền internet	Gói	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành các nghiệp vụ bán hàng	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
5	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để thực hành quản lý các nghiệp vụ hàng bán	Phổ biến tại thời điểm mua sắm
6	Tổng đài nội bộ	Hệ thống	01	Dùng để thực hành kỹ năng giao tiếp trong bán hàng qua điện thoại	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện ứng dụng trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
8	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong tất	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý

				cả các khâu	
9	Hệ thống đường mạng LAN	Hệ thống	01	Hỗ trợ giảng dạy các bài thực hành	Đảm bảo đường mạng thông giữa 18 máy tính
10	Máy in mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng in mã vạch trên danh mục sản phẩm quản lý	Khổ giấy: ≥ 4,09 inch (103,9mm) Độ phân giải: ≥ 203 dpi
11	Máy đọc mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đọc mã vạch trên danh mục sản phẩm quản lý	Tốc độ quét: ≥200 scan/s
12	Bàn thu ngân chuyên dụng	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cho học sinh thực hành nghiệp vụ thu ngân trong bán hàng	Kích thước phù hợp với không gian phòng thực hành
13	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành nghiệp vụ thu tiền và kiểm tiền	Tốc độ đếm: ≥1000 tờ/phút Còi báo động khi phát hiện tiền giả
14	Máy kiểm tra tiền giả	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành nghiệp vụ thu tiền và kiểm tiền	Điện áp: 220 V/AC - 50 Hz; Bóng cực tím chữ H: 11w x 2
15	Máy quẹt thẻ POS	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu cho học sinh thực hành nghiệp vụ thu tiền hàng qua thẻ thanh toán	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Máy gỡ tem cứng	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu cho học sinh thực hành gỡ tem hàng hóa	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Máy khử tem mềm	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu cho học sinh thực hành khử tem hàng hóa sau khi khách hàng thanh toán tiền hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

18	Hệ thống camera giám sát	Bộ	01	Dùng để thực hành giám sát các hoạt động bán hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Camera giám sát	*Chiếc*	*01*		
	Màn hình Camera giám sát	*Chiếc*	*01*		
	Đầu ghi hình camera	*Chiếc*	*01*		
19	Mô hình gian hàng điện máy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng điện máy	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
20	Mô hình gian hàng đồ gia dụng	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng gia dụng	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
21	Mô hình gian hàng may mặc	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng may mặc	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
22	Mô hình gian hàng đông lạnh	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng đông lạnh	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
23	Mô hình gian hàng văn phòng phẩm	Bộ	01	Dùng để giới thiệu, thực hành quản lý gian hàng văn phòng phẩm	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
24	Tủ để đồ cho khách	Chiếc	01	Dùng để thực hành nghiệp vụ bán hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
25	Giỏ hàng xách tay	Chiếc	03	Dùng để thực hành nghiệp vụ bán hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
26	Giỏ hàng kéo tay	Chiếc	03	Dùng để thực hành nghiệp vụ bán hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
27	Xe đẩy hàng	Chiếc	03	Dùng để thực hành nghiệp vụ bán hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

28	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình của học sinh	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
29	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm và cài đặt được phần mềm
30	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

PHẦN B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Bảng 22. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Tên nghề: Nghiệp vụ bán hàng
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học thực hành tối đa 18 học sinh, lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN BẢO HỘ LAO ĐỘNG			
1	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bình chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
	Bình xịt bọt khí CO2	*Chiếc*	*01*	
	Bình xe đẩy FZT35	*Chiếc*	*01*	
	Bình chữa cháy bột	*Chiếc*	*01*	
	Các bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
	Hộp đựng thiết bị phòng cháy, chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
	Đèn Exit	*Chiếc*	*01*	
2	Dụng cụ bảo hộ lao động	Bộ	06	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*06*	
	Mặt nạ phòng độc	*Chiếc*	*06*	
	Găng tay cao su và ni lông	*Đôi*	*06*	
	Khẩu trang	*Chiếc*	*06*	
	Kính bảo hộ	*Chiếc*	*06*	
3	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Tủ đựng y tế	*Chiếc*	*01*	
	Các dụng cụ sơ cứu: Panh, kéo	*Bộ*	*01*	
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*	

	THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
4	Phòng Lab chuyên dụng	Phòng	01	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ và thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bộ điều khiển trung tâm	*Bộ*	*01*	
	Máy vi tính trung tâm	*Bộ*	*01*	
	Bộ điều khiển sinh viên	*Bộ*	*01*	
	Tai nghe	*Bộ*	*01*	
	Cassette chuyên dụng	*Bộ*	*01*	
	Cab kết nối	*Bộ*	*01*	
	Phần mềm Lab	*Bộ*	*01*	
	Phần mềm dạy học ngoại ngữ	*Bộ*	*01*	
5	Hệ thống camera giám sát	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Một bộ bao gồm:			
	Camera giám sát	*Chiếc*	*01*	Đầu ghi: ≥ 1 kênh, xem trực tiếp qua máy vi tính
	Màn hình Camera giám sát	*Chiếc*	*01*	Tích hợp micro, kết nối USB Độ phân giải ảnh: ≥ 1024x768
	Đầu ghi hình camera	*Chiếc*	*01*	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Phần mềm kế toán	Bộ	01	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm
7	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm
8	Tổng đài nội bộ	Hệ thống	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy ghi âm	Chiếc	01	Dung lượng: ≥ 2GB
10	Máy quay phim	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Máy in	Chiếc	01	In khổ giấy: ≥ A5 Tốc độ in: ≥ 12 trang/phút
12	Máy in mã vạch	Chiếc	01	Khổ giấy: ≥ 4,09 inch (103,9mm) Độ phân giải: ≥ 203 dpi
13	Máy đọc mã vạch	Chiếc	01	Tốc độ quét: ≥200 scan/s

14	Bàn thu ngân chuyên dụng	Bộ	01	Kích thước phù hợp với không gian phòng thực hành
15	Máy đếm tiền	Chiếc	03	Tốc độ đếm: ≥1000 tờ/phút Còi báo động khi phát hiện tiền giả
16	Máy kiểm tra tiền giả	Chiếc	03	Điện áp: 220 V/AC - 50 Hz; Bóng cực tím chữ H:11Wx 2
17	Máy quẹt thẻ POS	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Máy gỡ tem cứng	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
19	Máy khử tem mềm	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
20	Giá trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
21	Tủ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
22	Kệ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
23	Móc treo hàng	Chiếc	03	Kích thước phù hợp với giá, tủ, kệ trưng bày hàng hóa
24	Tủ để đồ cho khách	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
25	Giỏ hàng xách tay	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
26	Xe đẩy hàng	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
27	Giỏ hàng kéo tay	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
28	Mô hình gian hàng điện máy	Bộ	01	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
29	Mô hình gian hàng đồ gia dụng	Bộ	01	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
30	Mô hình gian hàng may mặc	Bộ	01	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
31	Mô hình gian hàng đông lạnh	Bộ	01	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
32	Mô hình gian hàng văn phòng phẩm	Bộ	01	Kích thước: theo không gian phòng học thực hành

	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
33	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm
34	Máy vi tính	Bộ	19	Cấu hình phù hợp và loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
35	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Âm ly	*Bộ*	*01*	Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Loa	*Đôi*	*01*	Công suất: ≥ 20W
36	Đường mạng LAN	Hệ thống	01	Đảm bảo đường mạng thông giữa 19 máy vi tính
37	Hệ điều hành cho máy chủ	Gói	01	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
38	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm
39	Bảng di động	Chiếc	01	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
40	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
41	Đường truyền internet	Gói	01	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
42	Trang web ảo	Gói	01	Phiên bản dành cho sinh viên

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ, NGHỀ NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG
Trình độ: Trung cấp nghề

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-LĐTBXH ngày 06 tháng 10 năm 2015, của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Nguyễn Ngọc Tám	Thạc sỹ quản lý giáo dục	Chủ tịch
2	Ông Đỗ Thiện Dụng	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Du lịch-Khách sạn	Phó chủ tịch
3	Bà Hoàng Thị Kim Phúc	Thạc sỹ Quản lý Kinh tế - Kỹ thuật	Thư ký
4	Ông Trần Văn Bão	PGS.TS Quản trị kinh doanh	Uỷ viên
5	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Uỷ viên
6	Bà Trịnh Thị Thu Hà	Thạc sỹ thương mại	Uỷ viên
7	Ông Nguyễn Thế Tuyên	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Uỷ viên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 28b

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ, NGHỀ QUẢN TRỊ BÁN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã nghề: 50810108
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Năm 2016

MỤC LỤC

Phần thuyết minh

Phần A: Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn)

Bảng 1: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Luật kinh tế (MH 07)

Bảng 2: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Kinh tế học (MH 08)

Bảng 3: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Lý thuyết tài chính (MH 09)

Bảng 4: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Lý thuyết thống kê (MH 10)

Bảng 5: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Soạn thảo văn bản (MH 11)

Bảng 6: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Anh văn 1 (MH 12)

Bảng 7: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Khởi sự kinh doanh bán hàng (MH 13)

Bảng 8: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Hành vi người tiêu dùng (MH 14)

Bảng 9: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): An ninh, An toàn trong bán hàng (MH 15)

Bảng 10: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Anh văn 2 (MĐ 16)

Bảng 11: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Marketing cơ bản (MH 17)

Bảng 12: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Quản trị nguồn cung ứng hàng hóa (MĐ 18)

Bảng 13: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Quản trị hàng hóa (MĐ 19)

Bảng 14: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Trưng bày hàng hóa (MĐ 20)

Bảng 15: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Quản trị nguồn nhân lực (MH 21)

Bảng 16: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Quản trị tài chính (MĐ 22)

Bảng 17: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ bán lẻ (MĐ 23)

Bảng 18: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ bán hàng đại lý (MĐ 24)

Bảng 19: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến (MĐ 25)

Bảng 20: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ bán hàng siêu thị (MĐ 26)
Bảng 21: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Giám sát bán hàng (MĐ 27)
Bảng 22: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Quản trị chất lượng dịch vụ bán hàng (MĐ 28)
Bảng 23: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Thuế (MH 31)
Bảng 24: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Kế toán bán hàng (MH 32)
Bảng 25: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Thương mại điện tử căn bản (MĐ 33)
Bảng 26: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh (MH 34)
Bảng 27: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Quản trị doanh nghiệp (MH 35)
Bảng 28: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Quản trị chiến lược (MH 36)
Bảng 39: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Marketing thương mại (MH37)
Bảng 30: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Quản trị thương mại quốc tế (MĐ 38)
Bảng 31: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Tâm lý kinh doanh (MH 39)
Bảng 32: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Giao tiếp trong kinh doanh (MĐ 40)
Bảng 33: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Tổ chức sự kiện (MĐ 41)
Bảng 34: Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Quản trị chăm sóc khách hàng (MĐ 42)
Bảng 35: Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Phần mềm quản lý bán hàng (MH 45)

Phần B: Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 36: Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Danh sách hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề Quản trị bán hàng

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Quản trị bán hàng trình độ cao đẳng nghề là danh mục bao gồm các loại thiết bị dạy nghề (dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh...) tối thiểu và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị dạy nghề mà cơ sở dạy nghề phải có để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên và lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên. Danh mục này được xây dựng trên cơ sở chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Quản trị bán hàng ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

I. Nội dung danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Quản trị bán hàng

1. Phần A: Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn).

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 35, danh mục thiết bị tối thiểu cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị tối thiểu, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

- Yêu cầu sư phạm cơ bản của thiết bị, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính của thiết bị, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

2. Phần B: Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 36 - Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc. Trong bảng này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả thiết bị có trong danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc;

- Số lượng thiết bị của từng chủng loại là số lượng tối thiểu đáp ứng yêu cầu của các môn học, mô đun bắt buộc;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của mỗi chủng loại thiết bị đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của chủng loại đó trong các môn học, mô đun bắt buộc.

II. Áp dụng danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Quản trị bán hàng

Các cơ sở dạy nghề, đào tạo nghề Quản trị bán hàng, trình độ cao đẳng nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

1. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc (bảng 36).

2. Quy mô, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường (có tính đến thiết bị sử dụng chung giữa các nghề khác nhau trong trường).

PHẦN A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN (BẮT BUỘC, TỰ CHỌN)

Bảng 1. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): LUẬT KINH TẾ

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số môn học: MH 07
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 2. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): KINH TẾ HỌC

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 3. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số môn học: MH 09
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 4. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): LÝ THUYẾT THỐNG KÊ

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 5. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): SOẠN THẢO VĂN BẢN

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in bài thực hành của sinh viên	In khổ giấy: ≥ A4 Tốc độ in: ≥ 12 trang/phút
2	Đường mạng LAN	Hệ thống	01	Dùng để kết nối giữa máy chủ và máy vi tính của sinh viên	Đảm bảo đường mạng thông giữa máy chủ và 18 máy vi tính
3	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để lưu trữ bài thực hành và kết nối giữa các máy vi tính thực hành	Loại có cấu hình tối thiểu cài đặt được phần mềm quản lý
4	Hệ điều hành cho máy chủ	Bộ	01	Hỗ trợ người sử dụng thực hiện trên máy chủ	Hệ điều hành tương thích với máy chủ
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất: ≥ 20W*
6	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng để thực hành kỹ năng soạn thảo văn bản	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng và các văn bản mẫu	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 6. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): ANH VĂN 1

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số mô đun: MH 12
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phòng Lab chuyên dụng	Phòng	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng nghe, nói, trao đổi thông tin và đánh giá trình độ của sinh viên	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bộ điều khiển trung tâm	*Bộ*	*01*		
	Máy vi tính trung tâm	*Bộ*	*01*		
	Bộ điều khiển sinh viên	*Bộ*	*01*		
	Tai nghe	*Bộ*	*01*		
	Cassette chuyên dụng	*Bộ*	*01*		
	Cab kết nối	*Bộ*	*01*		
	Phần mềm Lab	*Bộ*	*01*		
	Phần mềm dạy học ngoại ngữ	*Bộ*	*01*		
2	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng kết nối với máy vi tính trung tâm để sinh viên thực hành	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu nội dung bài giảng của giáo viên	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 7. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): KHỞI SỰ KINH DOANH BÁN HÀNG

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số môn học: MH 13
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy, thực hành kỹ năng thuyết trình	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 8. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số môn học: MH 14
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy ghi âm	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ghi lại thông tin, trạng thái tâm lý, các hành động của khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm Dung lượng: ≥ 2GB
2	Máy quay phim	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng tự đánh giá qua việc quay phim lại những hành động trong quá trình giao tiếp	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
3	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
4	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy, hướng thực hành kỹ năng thuyết trình của sinh viên	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*07*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 9. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): AN NINH, AN TOÀN TRONG BÁN HÀNG

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số môn học: MH 15
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu và sử dụng tập huấn phòng cháy chữa cháy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình chữa cháy	*Chiếc*	*01*		
	Bình xịt bọt khí CO2	*Chiếc*	*01*		
	Bình xe đẩy MFZT35	*Chiếc*	*01*		
	Bình chữa cháy bột	*Chiếc*	*01*		
	Các bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Chiếc*	*01*		
	Hộp đựng thiết bị phòng cháy, chữa cháy	*Chiếc*	*01*		
	Đèn Exit	*Chiếc*	*01*		
2	Dụng cụ bảo hộ lao động	Bộ	06	Dùng để giới thiệu cách sử dụng các thiết bị an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*06*		
	Mặt nạ lọc độc	*Chiếc*	*06*		
	Găng tay cao su và ni lông	*Đôi*	*06*		
	Khẩu trang	*Chiếc*	*06*		
	Kính bảo hộ	*Chiếc*	*06*		
3	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách sơ cứu nạn nhân	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tủ đựng y tế	*Chiếc*	*01*		
	Các dụng cụ sơ cứu: Panh, kéo	*Bộ*	*01*		

	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*		
4	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy, hướng thực hành kỹ năng thuyết	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥1800mmx1800mm

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): ANH VĂN 2

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số mô đun: MĐ16
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phòng Lab chuyên dụng	Phòng	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng nghe, nói, trao đổi thông tin và đánh giá trình độ của sinh viên	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bộ điều khiển trung tâm	*Bộ*	*01*		
	Máy vi tính trung tâm	*Bộ*	*01*		
	Bộ điều khiển sinh viên	*Bộ*	*01*		
	Tai nghe	*Bộ*	*01*		
	Cassette chuyên dụng	*Bộ*	*01*		
	Cab kết nối	*Bộ*	*01*		
	Phần mềm Lab	*Bộ*	*01*		
	Phần mềm dạy học ngoại ngữ	*Bộ*	*01*		
2	Máy vi tính	Bộ	18	Dùng kết nối với máy vi tính trung tâm để thực hành	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu nội dung bài giảng	Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): MARKETING CƠ BẢN

Tên nghề: Quản trị bán hàng
Mã số môn học: MH 17
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bảng di động	Chiếc	01	Dùng để thực hành thảo luận và làm bài tập nhóm	Kích thước: ≥ 1200mm x 1800mm
2	Nam châm đính bảng	Chiếc	10	Dùng để ghim tài liệu thảo luận và bài tập nhóm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		Phù hợp với công suất loa
	Micro	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Loa	*Đôi*	*01*		Công suất: ≥ 20W
4	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy	Cấu hình phù hợp, thông dụng có sẵn trên thị trường
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

(Xem tiếp Công báo số 743 + 744)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng